



Số: TCO CD 2532.2026
Số trang: 01 + 12
Độ khẩn:
Ngày, giờ gửi: 27/10 /2026

Address: 32 Guanghua Rd.
Beijing CHINA
Tel: (8610) 6532.1155/1125
Fax: (8610) 6532.4215
Email: dsqbk1@yahoo.com



CÔNG ĐIỆN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Ngày 23/10/2026, Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) ban hành Thông báo số 150 về việc sửa đổi và ban hành “Quy định về quản lý đăng ký đối với nhà xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu” và ngày 26/10/2026 ban hành văn bản giải thích về việc nộp đơn của các nhà nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu.

Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc xin chuyển Thông báo và Văn bản giải thích (bản tiếng Trung và bản dịch tiếng Việt không chính thức) kèm theo để quý Bộ biết và triển khai các công tác liên quan.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Cục CB, PTTT; TS&KN; TT&BVTV; CN&TY; VP SPS, Bộ NN và MT (để phối hợp);
- Vụ HTQT Bộ NN và MT (để phối hợp);
- Vụ Đông Bắc Á, Bộ Ngoại giao (để biết);
- Lưu: Phòng KT.

**KT. ĐẠI SỨ
CÔNG SỨ**



Hoàng Văn Tuấn

海关总署公告 2026 年第 150 号（关于修订发布《进口食品进出口商备案管理规定》的公告）

为进一步落实党的二十届四中全会关于“强化食品药品安全全链条监管”的有关要求，强化进口食品溯源管理，优化公共服务和营商环境，海关总署对《进口食品进出口商备案管理规定》（原国家质量监督检验检疫总局公告 2012 年第 55 号附件 1）进行了修订，现予以发布。

特此公告。

海关总署

2026 年 10 月 23 日

进口食品进出口商备案管理规定

第一章 总则

第一条 为保障进口食品安全，提升进口食品可追溯性，根据《中华人民共和国食品安全法》及其实施条例、《国务院关于加强食品等产品质量监督管理的特别规定》和《中华人民共和国进出口食品安全管理办法》等法律、行政法规、规章的规定，制定本规定。

第二条 本规定适用于向中国境内出口食品的境外出口商或者代理商，以及境内食品进口商（以下统称进出口商）的备案管理。

本规定附表所列经营食品种类之外的产品，如食品添加剂、食品相关产品等依照有关规定执行。

第三条 海关总署主管进出口商备案的监督管理工作，公布进出口商备案信息。

各地海关负责境内食品进口商备案申请的受理、备案、变更、注销，对备案企业实施监督检查等工作。

第二章 备案条件和程序

第四条 向中国境内出口食品的境外出口商或者代理商应当向海关总署申请备案，提交《进口食品境外出口商或者代理商备案信息表》（附件 1），并对所提供备案信息的真实性、有效性负责。

第五条 境内食品进口商申请备案的，应当依法取得国内相应经营主体资格及海关进出口货物收发货人备案，向住所地海关提交《食品进口商备案信息表》（附件 2），并对所提供备案信息的真实性、有效性负责。

境内食品进口商可以在办理进出口货物收发货人备案时一并办理进口商备案。

第六条 备案申请表格填写完整、随附资料齐全的，海关应当受理并在受理之日起 3 个工作日内予以备案。备案申请资料不符合要求的，海关应在 3 个工作日内一次性告知申请人。

获得备案的境外出口商或者代理商，海关核发备案编码。

备案信息通过“中国海关企业进出口信用信息公示平台”进行公布。

进出口商备案长期有效。

第七条 进出口商备案内容发生变更的，应当在变更发生之日起 60 日内，向备案海关办理变更手续。

境内食品进口商因迁址等原因发生信息变更的，应当及时向迁入的住所地海关申请信息变更。涉及进出口货物收发货人备案变更的应同步申请变更。

第八条 进出口商存在下列情形之一的，海关依法予以注销备案：

- （一）因解散、被宣告破产或者其他法定事由终止的；
- （二）被市场监督管理部门注销或者撤销登记、吊销营业执照的；
- （三）进出口商主动申请注销的；
- （四）进出口货物收发货人备案已在海关注销的；
- （五）其他依法应当注销的情形。

第九条 进出口商可以通过国际贸易“单一窗口”或者“海关政务服务”向海关申请备案、变更、注销。境内食品进口商也可以向住所地海关提交纸质《食品进口商备案信息表》申请备案、变更、注销。

第三章 监督管理

第十条 海关可以对进出口商备案情况进行监督，包括实地检查、依法查阅或者要求进出口商报送有关材料。进出口商应当配合，如实提供有关情况和材料。

第十一条 食品申报进口时，应当如实填报进出口商名称、境内食品进口商统一社会信用代码、境外出口商或者代理商备案编码等信息。

海关对进出口商信息进行验核。

第十二条 海关在监管中发现进出口商备案信息与实际情况不符的，应当要求其限期更正、完善备案信息。未按要求及时更正、完善信息的，海关责令其在规定期限内更正。

第四章 附则

第十三条 本规定自发布之日起施行。本规定由海关总署负责解释。原国家质量监督检验检疫总局公告 2012 年第 55 号公布的附件 1《进口食品进出口商备案管理规定》同时废止。

附件：1.进口食品境外出口商或者代理商备案信息表.doc

2.食品进口商备案信息表.doc

(Bản dịch không chính thức)

Thông báo số 150 năm 2026 của Tổng cục Hải quan (về việc sửa đổi và ban hành "Quy định về quản lý đăng ký đối với nhà xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu")

Nhằm tiếp tục thực hiện các yêu cầu liên quan của Hội nghị toàn thể lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XX về "tăng cường giám sát toàn chuỗi an toàn thực phẩm và dược phẩm", tăng cường quản lý truy xuất nguồn gốc thực phẩm nhập khẩu, tối ưu hóa dịch vụ công và môi trường kinh doanh, Tổng cục Hải quan đã sửa đổi "Quy định về quản lý đăng ký đối với nhà xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu" (Phụ lục 1 của Thông báo số 55 năm 2012 của Tổng cục Giám sát, Kiểm tra và Kiểm dịch Chất lượng Quốc gia cũ), nay xin công bố.

Xin thông báo.

Tổng cục Hải quan

Ngày 23 tháng 10 năm 2026

Quy định về quản lý đăng ký đối với nhà xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu

Chương I: Quy định chung

Điều 1. Nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm nhập khẩu, nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc thực phẩm nhập khẩu, căn cứ Luật An toàn thực phẩm Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và các quy định thi hành, "Quy định đặc biệt của Quốc vụ viện về tăng cường giám sát, quản lý an toàn thực phẩm và các sản phẩm khác" và "Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" cùng các quy định của pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, ban hành Quy định này.

Điều 2. Quy định này áp dụng đối với việc quản lý đăng ký của nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc, và nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước (sau đây gọi chung là nhà xuất nhập khẩu).

Các sản phẩm nằm ngoài danh mục loại hình kinh doanh thực phẩm quy định tại phụ lục của Quy định này, như phụ gia thực phẩm, sản phẩm liên quan đến thực phẩm..., được thực hiện theo các quy định liên quan.

Điều 3. Tổng cục Hải quan chủ quản công tác giám sát, quản lý việc đăng ký của nhà xuất nhập khẩu, công bố thông tin đăng ký của nhà xuất nhập khẩu.

Hải quan các địa phương chịu trách nhiệm tiếp nhận, đăng ký, thay đổi, hủy đăng ký đối với đơn đăng ký của nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước, thực hiện công tác giám sát, kiểm tra đối với doanh nghiệp đã đăng ký.

Chương II: Điều kiện và trình tự đăng ký

Điều 4. Nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc phải nộp đơn đăng ký lên Tổng cục Hải quan, nộp "Bảng thông tin đăng ký của nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài thực phẩm nhập khẩu" (Phụ lục 1), và chịu trách nhiệm về tính xác thực, hiệu lực của thông tin đăng ký đã cung cấp.

Điều 5. Nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước khi nộp đơn đăng ký phải có tư cách chủ thể kinh doanh tương ứng trong nước theo quy định pháp luật và đã đăng ký người gửi, người nhận hàng hóa xuất nhập khẩu với hải quan, nộp "Bảng thông tin đăng ký của nhà nhập khẩu thực phẩm" (Phụ lục 2) cho hải quan nơi có trụ sở, và chịu trách nhiệm về tính xác thực, hiệu lực của thông tin đăng ký đã cung cấp.

Nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước có thể thực hiện đăng ký nhà nhập khẩu cùng lúc với việc đăng ký người gửi, người nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

Điều 6. Trường hợp bảng đơn đăng ký được điền đầy đủ, tài liệu kèm theo đầy đủ, hải quan phải tiếp nhận và đăng ký trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận. Trường hợp tài liệu đơn đăng ký không đáp ứng yêu cầu, hải quan phải thông báo một lần cho người nộp đơn trong thời hạn 3 ngày làm việc.

Đối với nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài được đăng ký, hải quan cấp mã số đăng ký.

Thông tin đăng ký được công bố thông qua "Nền tảng công khai thông tin tin dụng xuất nhập khẩu doanh nghiệp Hải quan Trung Quốc".

Đăng ký của nhà xuất nhập khẩu có hiệu lực lâu dài.

Điều 7. Trường hợp nội dung đăng ký của nhà xuất nhập khẩu có thay đổi, phải thực hiện thủ tục thay đổi tại hải quan nơi đăng ký trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thay đổi.

Trường hợp nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước có thay đổi thông tin do chuyển địa chỉ..., phải kịp thời nộp đơn xin thay đổi thông tin tại hải quan nơi có trụ sở mới. Trường hợp liên quan đến thay đổi đăng ký người gửi, người nhận hàng hóa xuất nhập khẩu thì phải đồng thời nộp đơn xin thay đổi.

Điều 8. Trường hợp nhà xuất nhập khẩu thuộc một trong các trường hợp sau đây, hải quan căn cứ pháp luật hủy đăng ký:

- (1) Châm dứt do giải thể, bị tuyên bố phá sản hoặc lý do pháp lý khác;
- (2) Bị cơ quan quản lý giám sát thị trường hủy hoặc thu hồi đăng ký, thu hồi giấy phép kinh doanh;
- (3) Nhà xuất nhập khẩu tự nguyện xin hủy đăng ký;
- (4) Đăng ký người gửi, người nhận hàng hóa xuất nhập khẩu đã bị hủy tại hải quan;
- (5) Các trường hợp khác phải hủy đăng ký theo quy định pháp luật.

Điều 9. Nhà xuất nhập khẩu có thể nộp đơn đăng ký, thay đổi, hủy đăng ký lên hải quan thông qua "Cửa sổ đơn nhất" thương mại quốc tế hoặc "Dịch vụ hành chính hải quan". Nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước cũng có thể nộp "Bảng thông tin đăng ký của nhà nhập khẩu thực phẩm" bằng bản giấy cho hải quan nơi có trụ sở để xin đăng ký, thay đổi, hủy đăng ký.

Chương III: Giám sát, quản lý

Điều 10. Hải quan có thể giám sát tình hình đăng ký của nhà xuất nhập khẩu, bao gồm kiểm tra thực địa, tra cứu tài liệu theo quy định pháp luật hoặc yêu cầu nhà xuất nhập khẩu gửi tài liệu liên quan. Nhà xuất nhập khẩu phải phối hợp, cung cấp trung thực tình hình và tài liệu liên quan.

Điều 11. Khi khai báo nhập khẩu thực phẩm, phải khai báo trung thực các thông tin như tên nhà xuất nhập khẩu, mã số tín dụng xã hội thống nhất của nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước, mã số đăng ký của nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài.

Hải quan kiểm tra, xác minh thông tin của nhà xuất nhập khẩu.

Điều 12. Trường hợp hải quan phát hiện trong quá trình giám sát rằng thông tin đăng ký của nhà xuất nhập khẩu không phù hợp với thực tế, phải yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện thông tin đăng ký trong thời hạn nhất định. Trường hợp không chỉnh sửa, hoàn thiện kịp thời theo yêu cầu, hải quan ra lệnh chỉnh sửa trong thời hạn quy định.

Chương IV: Quy định bổ sung

Điều 13. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm giải thích Quy định này. Phụ lục 1 "Quy định về quản lý đăng ký đối với nhà xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu" ban hành kèm theo Thông báo số 55 năm 2012 của Tổng cục Giám sát, Kiểm tra và Kiểm dịch Chất lượng Quốc gia cũ đồng thời bị bãi bỏ.

Phụ lục:

1. Bảng thông tin đăng ký của nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài thực phẩm nhập khẩu
2. Bảng thông tin đăng ký của nhà nhập khẩu thực phẩm

附件 1

进口食品境外出口商或者代理商备案信息表

Information Form of Food Exporter/Agent

第 1 项--企业信息 Section 1--Applicant's Information	
企业名称 (中文) Name (in Chinese):	
企业地址 (中文) Address (in Chinese):	
企业名称 (英文) * Name (in English):	
企业地址 (英文) * Address (in English):	
国家 (地区) * Country/Region:	
联系人姓名* Contact Name:	
联系人电话* Contact Telephone:	
联系人邮箱* Contact E-mail:	
*第 2 项--经营食品种类 (多选题) Section 2--Food Category of Operation	
☐ 肉与肉制品 Meat and meat products ☐ 肠衣 Casings ☐ 燕窝与燕窝制品 Bird's nest and Bird's nest products ☐ 蜂产品 Bee products ☐ 蛋与蛋制品 Egg and egg products ☐ 食用油脂 Edible oil (☐ 食用植物油 Edible vegetable oil、 ☐ 食用动物油脂 Edible animal fat) ☐ 包馅面食 Stuffed pastry products ☐ 食用谷物 Edible grains ☐ 谷物制粉工业产品和麦芽 Grain milling industrial products and malt ☐ 脱水蔬菜 Dehydrated vegetables ☐ 调料粉 Plant spices ☐ 坚果与籽类 Nuts and seeds	

☐ 干果 Dried fruits
☐ 特殊膳食食品（不包括乳基婴幼儿配方食品） Special Dietary Foods (Excluding milk-based infant formula)
☐ 保健食品 Functional foods
☐ 乳品 Dairy
☐ 水产品 Aquatic products
☐ 蔬菜及其制品（保鲜和脱水蔬菜除外） Vegetables and vegetable products (Fresh and dehydrated vegetables are excluded)
☐ 粮食制品以及其他产品 Grain products and other products
☐ 茶叶类 Tea
☐ 坚果及籽类制品 Nuts and seeds products
☐ 酒类 Alcoholic beverage
☐ 饮料及冷冻饮品 Beverages and frozen beverages
☐ 饼干、糕点、面包 Biscuits,cakes and bread
☐ 糖类（包括原糖、食糖、乳糖、糖浆等） Sugars (including raw sugar,sugar,lactose,syrup,etc.)
☐ 糖果、巧克力（包括巧克力、代可可脂巧克力及其制品） Confectionery, chocolate (including chocolate, cocoa butter substitute chocolate and its products)
☐ 调味品（不包括食糖） Seasoning (excluding sugar)
☐ 经烘焙的咖啡豆、可可豆及其制品（不包括巧克力） Roasted coffee beans, cocoa beans and other products (ex. chocolate)
☐ 水果制品 Fruit products
☐ 冷冻水果 Frozen fruit
☐ 其他杂项食品 Other miscellaneous foods
兹承诺：上述资料信息真实、有效*。 I hereby promise: The information we submit is accurate and valid. 填表人姓名*（签章*） Name: (Signature or Seal) 填表人电话* Telephone: 填表人邮箱* E-mail:

填表说明 Notes:

标 “*” 的项目必须填写。

The above items with mark “*” must be effectively filled in.

此表由填表人签字或盖章后，以扫描件或者照片形式上传。

This form should be uploaded in the form of a scanned copy or photo after being signed or stamped.

附件 2

食品进口商备案信息表

第 1 项--企业信息					
统一社会信用 代码			是否获得食品 经营许可证	☐ 是 ☐ 否	
申请类型	☐ 备案 ☐ 变更 ☐ 注销				
进出口货物收发货人备案		☐ 已获得 ☐ 同时申请备案			
行政区划			住所地海关		
中文名称					
住所 (主 要经营场 所)			邮政编码		
联系人			移动电话		
第 2 项--法定代表人 (负责人) 信息					
姓名		证件类型 型		证件号码	
国籍			移动电话		
第 3 项--进口食品种类 (多选项)					
☐ 肉与肉制品 Meat and meat products ☐ 肠衣 Casings ☐ 燕窝与燕窝制品 Bird's nest and Bird's nest products ☐ 蜂产品 Bee products ☐ 蛋与蛋制品 Egg and egg products ☐ 食用油脂 Edible oil (☐ 食用植物油 Edible vegetable oil、 ☐ 食用动物油脂 Edible animal fat) ☐ 包馅面食 Stuffed pastry products ☐ 食用谷物 Edible grains ☐ 谷物制粉工业产品和麦芽 Grain milling industrial products and malt ☐ 脱水蔬菜 Dehydrated vegetables , ☐ 调料粉 Plant spices ☐ 坚果与籽类 Nuts and seeds ☐ 干果 Dried fruits					

- ☐特殊膳食食品（不包括乳基婴幼儿配方食品） Special Dietary Foods (Excluding milk-based infant formula)
- ☐保健食品 Functional foods
- ☐乳品 Dairy
- ☐水产品 Aquatic products
- ☐蔬菜及其制品（保鲜和脱水蔬菜除外） Vegetables and vegetable products (Fresh and dehydrated vegetables are excluded)
- ☐粮食制品以及其他产品 Grain products and other products
- ☐茶叶类 Tea
- ☐坚果及籽类制品 Nuts and seeds products
- ☐酒类 Alcoholic beverage
- ☐饮料及冷冻饮品 Beverages and frozen beverages
- ☐饼干、糕点、面包 Biscuits, cakes and bread
- ☐糖类（包括原糖、食糖、乳糖、糖浆等） Sugars (including raw sugar, sugar, lactose, syrup, etc.)
- ☐糖果、巧克力（包括巧克力、代可可脂巧克力及其制品） Confectionery, chocolate (including chocolate, cocoa butter substitute chocolate and its products)
- ☐调味品（不包括食糖） Seasoning (excluding sugar)
- ☐经烘焙的咖啡豆、可可豆及其制品（不包括巧克力） Roasted coffee beans, cocoa beans and other products (ex. chocolate)
- ☐水果制品 Fruit products
- ☐冷冻水果 Frozen fruit
- ☐其他杂项食品 Other miscellaneous foods

本单位承诺遵守《中华人民共和国食品安全法》及其实施条例、《中华人民共和国进出口食品安全管理办法》等法律法规、规章的规定，建立并严格执行食品进口和销售记录制度、境外出口商和境外生产企业审核制度，对本表所填报备案信息的真实性、有效性负责并承担相应的法律责任。

(单位印章)

年 月 日

填表说明:

此表由填表人盖章后，以扫描件或者照片形式上传。

住所（主要经营场所）：市场主体填写《营业执照》上的“住所”“企业住所”或“主要经营场所”，其他组织机构按实际情况填写。

进口食品种类仅选择境内进口食品收货人通过该境外出口商或者代理商进口的食品种类。

海关总署关于《进口食品进出口商备案管理规定》的解读

发布时间：2026-10-26 17:00 文章来源：海关总署

为了全面深入贯彻落实习近平总书记关于食品安全“四个最严”要求，进一步优化进口食品进出口商备案程序，海关总署于近日发布了《进口食品进出口商备案管理规定》，自 2026 年 10 月 23 日起实施。为使行政相对人和社会各界全面了解和准确把握本次《备案管理规定》发布的背景情况和重点内容，现将有关问题说明如下：

一、规定修订背景及必要性

现行《进口食品进出口商备案管理规定》（原质检总局公告 2012 年第 55 号）（以下简称《备案管理规定》）自 2012 年 10 月 1 日施行以来，通过强化对进口食品境外出口商或代理商以及境内进口商的管理，为保障我国进口食品安全和服务贸易稳定发展发挥了重要作用。

随着我国对外开放进一步扩大，进口食品贸易及进口食品进出口商备案快速增加，《备案管理规定》在执行过程中也反映出一些问题和不足，亟需修订：一是该规定的部分内容与目前执行的法律法规、规范性文件不一致；二是党的十八大以来，国家实施“放管服”改革，不断简化市场准入门槛，作为“备案事项”管理的进口食品进出口商备案，仍维持 2012 年的管理要求，存在备案材料繁琐、办理时限过长、企业获得感不强等问题。

二、修订的主要内容

按照优化程序、统一标准、压缩时限、全链条监管的原则，重点修改内容如下：

（一）优化备案程序和要求。一是明确申报企业要求。规范备案要求，境内食品进口商申请备案时，应当取得国内相应经营主体资格，并应已取得或同时申请海关进出口货物收发货人备案。二是简化备案申请材料要求。企业办理食品进出口商备案仅需对应填报《食品进口商备案信息表》《进口食品境外出口商或代理商备案信息表》；《食品进口商备案信息表》备案内容由 20 项精简至 16 项、《进口食品境外出口商或代理商备案信息表》备案内容由 20 项减少至 10 项。

（二）统一备案进口食品类别。修订备案企业经营的食品类别范围，使境内食品进口商、境外出口商或代理商、进口食品境外生产企业等 3 个食品经营主体所覆盖的食品类别保持一致。

（三）压缩备案办理时限。将食品进口商备案的海关办理时限从 5 个工作日压缩为 3 个工作日；明确进口食品境外出口商或代理商备案的海关办理时限为 3 个工作日，提升备案工作效率，提高政务服务可预期性。

（四）强化全链条备案监管。一是强调监督管理。明确海关对已备案进出口商信息验核以及对其备案情况进行监督的要求。二是建立退出机制。明确海关依法注销进出口商备案的情形。三是细化变更管理。根据 249 号令第二十条的规定，对食品进出口商办理备案信息变更的要求进行强调和细化。

（供稿单位：进出口食品安全局、天津海关、沈阳海关）

(Bản dịch không chính thức)

Giải thích của Tổng cục Hải quan về các quy định về việc nộp đơn của các nhà nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu

Xuất bản: 2026-10-26 17:00 Nguồn: Tổng Hải quan

Để thực hiện đầy đủ và triệt để các yêu cầu "bốn nghiêm ngặt nhất" của Tổng Bí thư Tập Cận Bình về an toàn thực phẩm và tối ưu hóa hơn nữa các thủ tục nộp hồ sơ cho các nhà nhập khẩu thực phẩm xuất nhập khẩu, Tổng cục Hải quan gần đây đã ban hành "Quy định về quản lý hồ sơ của các nhà nhập khẩu và xuất khẩu thực phẩm nhập khẩu", đã được thực hiện kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2026. Để cho phép các đối tác hành chính và tất cả các lĩnh vực của xã hội hiểu đầy đủ và nắm bắt chính xác nền tảng và nội dung chính của việc phát hành "Quy định về quản lý hồ sơ", các vấn đề liên quan được giải thích như sau:

I. Nền tảng và sự cần thiết của sửa đổi

"Quy định hiện hành về quản lý hồ sơ của các nhà nhập khẩu và xuất khẩu thực phẩm nhập khẩu" (trước đây là Thông báo của Tổng cục Giám sát và Kiểm tra Chất lượng số 55 năm 2012) (sau đây gọi là "Quy định về Nộp hồ sơ") đã đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển ổn định của an toàn thực phẩm và thương mại dịch vụ tại Trung Quốc bằng cách tăng cường quản lý thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu nước ngoài hoặc đại lý và nhà nhập khẩu trong nước kể từ khi thực hiện vào ngày 1 tháng 10 năm 2012.

Với sự mở rộng hơn nữa của việc Trung Quốc mở cửa, sự gia tăng nhanh chóng trong việc nộp đơn đăng ký thương mại thực phẩm nhập khẩu và các nhà nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu, "Quy định về quản lý nộp đơn" cũng phản ánh một số vấn đề và thiếu sót trong quá trình thực hiện, và cần được sửa đổi khẩn cấp: Thứ nhất, nội dung của các quy định không phù hợp với việc thực hiện hiện hành pháp luật và quy định và văn bản quy phạm; Thứ hai, kể từ khi Đại hội toàn quốc gia lần thứ 18 của Đảng, nhà nước đã thực hiện cải cách "dịch vụ phân cấp"

Các yếu tố chính của bản sửa đổi

Phù hợp với các nguyên tắc của quy trình tối ưu hóa, tiêu chuẩn thống nhất, giới hạn thời gian nén và giám sát chuỗi đầy đủ, các sửa đổi chính như sau:

(A) tối ưu hóa các thủ tục và yêu cầu nộp hồ sơ. Thứ nhất là khai báo rõ các yêu cầu của doanh nghiệp. Yêu cầu nộp đơn tiêu chuẩn, nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước nộp đơn xin hồ sơ, nên có được trình độ chuyên môn của tổ chức kinh doanh tương ứng trong nước, và phải có được hoặc đồng thời áp dụng cho hàng hóa xuất nhập khẩu hải quan để nhận nộp đơn cho người nhận hàng. Thứ hai là đơn giản hóa các yêu cầu nộp đơn. Doanh nghiệp ghi nhận hồ sơ của các nhà nhập khẩu và xuất khẩu thực phẩm chỉ cần điền vào "Mẫu thông tin nộp đơn của nhà nhập khẩu thực phẩm" và "Nhập khẩu thực phẩm ở nước ngoài hoặc đại lý nộp mẫu thông tin"; "Mẫu thông tin nộp đơn nhập khẩu thực phẩm" được giảm từ 20 mặt hàng xuống còn 16 mặt hàng, và hình thức thông tin nộp đơn của các nhà xuất khẩu hoặc đại lý thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài giảm từ 20 mặt hàng xuống còn 10.

(2) Thống nhất ghi lại các loại thực phẩm nhập khẩu. Sửa đổi phạm vi các loại thực phẩm được điều hành bởi các doanh nghiệp để lập hồ sơ, để các loại thực phẩm được bao phủ bởi ba chủ thể kinh doanh thực phẩm như nhà nhập khẩu thực phẩm trong nước, xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài và các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài là nhất quán.

(C) giảm thời hạn nộp hồ sơ. Thời hạn xử lý hải quan đối với việc nộp hồ sơ của các nhà nhập khẩu thực phẩm được giảm từ 5 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc; thời gian xử lý hải quan đối với hồ sơ của các nhà xuất khẩu nước ngoài hoặc đại lý thực phẩm nhập khẩu là 3 ngày làm việc, giúp cải thiện hiệu quả nộp hồ sơ và cải thiện khả năng dự đoán của các dịch vụ của chính phủ.

(4) Tăng cường giám sát toàn bộ hồ sơ chuỗi. Sự nhấn mạnh là về giám sát. Làm rõ các yêu cầu của hải quan để xác minh thông tin của nhà nhập khẩu và xuất khẩu đã đăng ký và giám sát hồ sơ của nó. Thứ hai là thiết lập một cơ chế mở. Làm rõ tình hình hải quan để hủy hồ sơ của nhà nhập khẩu và xuất khẩu theo pháp luật. Thứ ba là tinh chỉnh quản lý thay đổi. Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 249, yêu cầu đối với nhà nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm để xử lý việc thay đổi thông tin lưu trữ hồ sơ được nhấn mạnh và tinh chế.